

**Phụ lục 1****DANH MỤC TTHC THUỘC PHẠM VI GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ HÀ NAM**

STT	MÃ TTHC	TÊN THỦ TỤC	Mức độ DVC
<b>A</b>	<b>TTHC THUỘC THAM QUYỀN CỦA UBND XÃ: 65 lĩnh vực với 356</b>		
<b>I</b>	<b>VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND: 10 lĩnh vực với 71 thủ tục</b>		
<b>1</b>	<b>Bồi thường nhà nước: 01 thủ tục</b>		
1	2.002165.000 .00.00.H24	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Cung cấp thông tin trực tuyến
<b>2</b>	<b>Chứng thực: 13 thủ tục</b>		
1	2.000927.000 .00.00.H24	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Một phần
2	2.000908.000 .00.00.H24	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Cung cấp thông tin trực tuyến
3	2.000942.000 .00.00.H24	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Cung cấp thông tin trực tuyến
4	2.001016.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Cung cấp thông tin trực tuyến
5	2.001406.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Cung cấp thông tin trực tuyến
6	2.001009.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Cung cấp thông tin trực tuyến
7	2.000913.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Một phần
8	2.001035.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Cung cấp thông tin trực tuyến
9	2.001019.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực di chúc	Cung cấp thông tin trực tuyến
10	2.000884.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Cung cấp thông tin trực tuyến
11	2.000992.000 .00.00.H24	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Cung cấp thông tin trực tuyến
12	2.001008.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Cung cấp thông tin trực tuyến

13	2.000815.000 .00.00.H24	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Một phần
<b>3</b>	<b>Giải quyết khiếu nại: 01 thủ tục</b>		
1	2.002409.000 .00.00.H24	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Toàn trình
<b>4</b>	<b>Giải quyết tố cáo: 01 thủ tục</b>		
1	2.002396.000 .00.00.H24	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Cung cấp thông tin trực tuyến
<b>5</b>	<b>Hộ tịch: 39 thủ tục</b>		
1	3.000322.H2 4	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Toàn trình
2	3.000323.H2 4	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Toàn trình
3	1.000080.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Một phần
4	1.004827.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Toàn trình
5	1.000094.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Một phần
6	1.000110.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Toàn trình
7	1.001022.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Một phần
8	1.000656.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử	Toàn trình
9	1.005461.000 .00.00.H24	Đăng ký lại khai tử	Một phần
10	2.002516.000 .00.00.H24	Xác nhận thông tin hộ tịch	Toàn trình
11	2.000779.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Một phần
12	2.000513.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Một phần
13	1.004746.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Một phần

14	2.000497.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Một phần
15	2.000522.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Một phần
16	1.004884.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Một phần
17	1.000593.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Một phần
18	2.000806.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Một phần
19	1.000894.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký kết hôn	Một phần
20	1.000419.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Một phần
21	1.001766.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Một phần
22	1.003583.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Một phần
23	1.001695.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Một phần
24	1.000689.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Một phần
25	1.000893.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Một phần
26	2.000528.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Một phần
27	1.004772.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Một phần
28	1.001193.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh	Toàn trình
29	1.001669.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Một phần

30	1.004837.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký giám hộ	Một phần
31	2.000756.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Một phần
32	1.004845.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Một phần
33	1.004859.000 .00.00.H24	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Một phần
34	2.000748.000 .00.00.H24	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Một phần
35	2.000554.000 .00.00.H24	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình
36	2.002189.000 .00.00.H24	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình
37	2.000547.000 .00.00.H24	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Toàn trình
38	1.004873.000 .00.00.H24	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Toàn trình
39	2.000635.000 .00.00.H24	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Toàn trình
<b>6</b>	<b>Nuôi con nuôi: 05 thủ tục</b>		
1	1.003005.H2 4	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Một phần
2	2.002349.H2 4	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Toàn trình
3	2.001255.000 .00.00.H24	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Toàn trình
4	2.001263.000 .00.00.H24	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Một phần
5	2.002363.H2 4	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình
<b>7</b>	<b>Phòng, chống tham nhũng: 04 thủ tục</b>		
1	2.002400.000 .00.00.H24	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Một phần

2	2.002403.000 .00.00.H24	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Một phần
3	2.002402.000 .00.00.H24	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Một phần
4	2.002401.000 .00.00.H24	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Một phần
<b>8</b>	<b>Phổ biến giáo dục pháp luật: 05 thủ tục</b>		
1	1.002211.H2 4	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Một phần
2	2.000930.000 .00.00.H24	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Toàn trình
3	2.002080.000 .00.00.H24	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Một phần
4	2.000424.H2 4	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Toàn trình
5	2.000950.H2 4	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Một phần
<b>9</b>	<b>Tiếp công dân: 01 thủ tục</b>		
1	1.010945.000 .00.00.H24	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Một phần
<b>10</b>	<b>Xử lý đơn thư: 01 thủ tục</b>		
1	2.002501.000 .00.00.H24	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Một phần
<b>II</b>	<b>PHÒNG KINH TẾ: 31 lĩnh vực với 136 thủ tục</b>		
<b>1</b>	<b>Bảo hiểm: 01 thủ tục</b>		
1	1.005412.H2 4	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Một phần
<b>2</b>	<b>Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 01 thủ tục</b>		
1	2.002620.000 .00.00.H24	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Toàn trình
<b>3</b>	<b>Công nghiệp địa phương: 01 thủ tục</b>		
1	2.002096.000 .00.00.H24	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Toàn trình
<b>4</b>	<b>Chăn nuôi: 02 thủ tục</b>		
1	1.012836.000 .00.00.H24	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Toàn trình

2	1.012837.000 .00.00.H24	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Toàn trình
<b>5</b>	<b>Chính sách Thuế: 01 thủ tục</b>		
1	1.013040.H2 4	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Toàn trình
<b>6</b>	<b>Đất đai: 16 thủ tục</b>		
1	1.014284.H2 4	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Một phần
2	1.014275.H2 4	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Toàn trình
3	1.013979.H2 4	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Toàn trình
4	1.013978.H2 4	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Toàn trình
5	1.013967.H2 4	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Toàn trình
6	1.012818.H2 4	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Toàn trình
7	1.013965.H2 4	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Một phần

8	1.013962.H2 4	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Một phần
9	1.013949.H2 4	Giao đất, cho thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Một phần
10	1.013952.H2 4	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Một phần
11	1.013953.H2 4	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	Một phần
12	1.013950.H2 4	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Một phần
13	1.012812.000 .00.00.H24	Hòa giải tranh chấp đất đai	Một phần
14	1.012753.000 .00.00.H24	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Toàn trình
15	1.012796.000 .00.00.H24	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Một phần
16	1.012817.H2 4	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Một phần
7	<b>Đường bộ: 02 thủ tục</b>		

1	1.013274.H2 4	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Toàn trình
2	1.013061.H2 4	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Một phần
<b>8</b>	<b>Đường thủy nội địa: 25 thủ tục</b>		
1	1.009456.000 .00.00.H24	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Toàn trình
2	2.001711.000 .00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Một phần
3	1.004002.000 .00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Một phần
4	1.003970.000 .00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Một phần
5	1.003930.000 .00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Toàn trình
6	2.001659.000 .00.00.H24	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Một phần
7	1.004088.000 .00.00.H24	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Một phần
8	1.004047.000 .00.00.H24	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Một phần
9	1.004036.000 .00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Một phần
10	1.005040.000 .00.00.H24	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Một phần
11	1.006391.000 .00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Một phần
12	1.009454.000 .00.00.H24	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Toàn trình
13	2.001217.000 .00.00.H24	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Toàn trình
14	2.001218.000 .00.00.H24	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Toàn trình

15	1.009452.000 .00.00.H24	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Toàn trình
16	1.009453.000 .00.00.H24	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Toàn trình
17	1.009444.000 .00.00.H24	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Toàn trình
18	1.009465.000 .00.00.H24	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Toàn trình
19	2.001215.000 .00.00.H24	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Một phần
20	2.001214.000 .00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Một phần
21	2.001211.000 .00.00.H24	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Một phần
22	2.001212.000 .00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Một phần
23	1.009455.000 .00.00.H24	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Toàn trình
24	1.003658.000 .00.00.H24	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Toàn trình
25	1.009447.000 .00.00.H24	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Toàn trình
<b>9</b>	<b>Giám nghề: 01 thủ tục</b>		
1	3.000412.H2 4	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Một phần
<b>10</b>	<b>Hoạt động xây dựng: 08 thủ tục</b>		
1	1.013229.H2 4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Toàn trình
2	1.013232.H2 4	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Toàn trình

3	1.013227.H2 4	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Toàn trình
4	1.013228.H2 4	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Toàn trình
5	1.013225.H2 4	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Toàn trình
6	1.013234.H2 4	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Toàn trình
7	1.013239.H2 4	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Toàn trình
8	1.013226.H2 4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1	Toàn trình
<b>11</b>	<b>Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</b>		
1	2.002668.H2 4	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
<b>12</b>	<b>Kinh doanh khí: 03 thủ tục</b>		
1	2.001283.000 .00.00.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Toàn trình
2	2.001270.000 .00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Toàn trình
3	2.001261.000 .00.00.H24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Toàn trình
<b>13</b>	<b>Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn: 01 thủ tục</b>		
1	1.003434.000 .00.00.H24	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Toàn trình
<b>14</b>	<b>Lưu thông hàng hóa trong nước: 09 thủ tục</b>		

1	2.001240.000 .00.00.H24	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu do trường hợp bị mất, tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát, bị cháy	Toàn trình
2	2.000633.000 .00.00.H24	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Toàn trình
3	2.000620.000 .00.00.H24	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Toàn trình
4	1.001279.000 .00.00.H24	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy	Toàn trình
5	2.000629.000 .00.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Toàn trình
6	2.000615.000 .00.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Toàn trình
7	2.000181.000 .00.00.H24	Cấp Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Toàn trình
8	2.000162.000 .00.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Toàn trình
9	2.000150.000 .00.00.H24	Cấp lại Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Toàn trình
<b>15</b>	<b>Môi trường: 02 thủ tục</b>		
1	1.004082.000 .00.00.H24	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Toàn trình
2	1.010736.000 .00.00.H24	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Một phần
<b>16</b>	<b>Nông nghiệp: 01 thủ tục</b>		
1	1.003596.000 .00.00.H24	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Một phần
<b>17</b>	<b>Quản lý công sản: 03 thủ tục</b>		
1	3.000326.H2 4	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Toàn trình
2	3.000325.H2 4	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Một phần
3	3.000410.H2 4	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	Toàn trình
<b>18</b>	<b>Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai: 02 thủ tục</b>		
1	1.010091.000 .00.00.H24	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Toàn trình

2	1.010092.000 .00.00.H24	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Toàn trình
<b>19</b>	<b>Quy hoạch xây dựng, kiến trúc: 05 thủ tục</b>		
1	1.014158.H2 4	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Toàn trình
2	1.014156.H2 4	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Toàn trình
3	1.014155.H2 4	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Toàn trình
4	1.014157.H2 4	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Toàn trình
5	1.014159.H2 4	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Toàn trình
<b>20</b>	<b>Tài chính đất đai: 03 thủ tục</b>		
1	1.012994.H2 4	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Một phần
2	1.012995.H2 4	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Một phần
3	1.012996.H2 4	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Một phần
<b>21</b>	<b>Tài nguyên nước: 01 thủ tục</b>		
285	1.001662.000 .00.00.H24	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Toàn trình
<b>22</b>	<b>Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý: 02 thủ tục</b>		
1	1.012568.H2 4	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	Một phần
2	1.012569.H2 4	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Một phần
<b>23</b>	<b>Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp: 01 thủ tục</b>		
1	2.001199.000 .00.00.H24	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Toàn trình
<b>24</b>	<b>Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác: 02 thủ tục</b>		
1	2.002228.000 .00.00.H24	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Một phần
2	2.002226.000 .00.00.H24	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Một phần
<b>25</b>	<b>Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:</b>		

1	2.002123.000 .00.00.H24	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Toàn trình
2	1.005277.000 .00.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Toàn trình
3	2.001973.000 .00.00.H24	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	Toàn trình
4	1.004982.000 .00.00.H24	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
5	1.005377.000 .00.00.H24	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Toàn trình
6	1.005010.000 .00.00.H24	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Toàn trình
7	1.004901.000 .00.00.H24	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Một phần
8	2.002646.000 .00.00.H24	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Một phần
9	2.002636.000 .00.00.H24	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Một phần
10	2.002635.000 .00.00.H24	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Một phần
11	2.002637.000 .00.00.H24	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Một phần
12	2.002638.000 .00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Một phần
13	2.002639.000 .00.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Một phần
14	2.002640.000 .00.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Một phần
15	2.002641.000 .00.00.H24	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Một phần

16	2.002642.000 .00.00.H24	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Một phần
17	2.002643.000 .00.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
18	2.002644.000 .00.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Một phần
19	2.002645.000 .00.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
20	2.002648.000 .00.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
21	2.002649.000 .00.00.H24	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
22	2.002650.000 .00.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
23	1.005280.000 .00.00.H24	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Toàn trình
24	1.005378.000 .00.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
25	2.001958.000 .00.00.H24	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
26	1.004979.000 .00.00.H24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Toàn trình
<b>26</b>	<b>Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh): 07 thủ tục</b>		
1	1.014035.H2 4	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Cung cấp thông tin trực tuyến
2	1.014034.H2 4	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Cung cấp thông tin trực tuyến
3	1.001612.000 .00.00.H24	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Toàn trình
4	2.000720.000 .00.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Toàn trình
5	1.001570.000 .00.00.H24	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Toàn trình

6	2.000575.000 .00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Toàn trình
7	1.001266.000 .00.00.H24	Châm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Toàn trình
<b>27</b>	<b>Thủ y: 01 thủ tục</b>		
1	1.013997.H2 4	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Cung cấp thông tin trực tuyến
<b>28</b>	<b>Thủy lợi: 03 thủ tục</b>		
1	2.001621.000 .00.00.H24	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Toàn trình
2	2.001627.000 .00.00.H24	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Toàn trình
3	1.003440.000 .00.00.H24	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Toàn trình
<b>29</b>	<b>Thủy sản: 03 thủ tục</b>		
1	1.004478.000 .00.00.H24	Công bố mở cảng cá loại 3	Toàn trình
2	1.003956.000 .00.00.H24	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Toàn trình
3	1.004498.000 .00.00.H24	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Toàn trình
<b>30</b>	<b>Trồng trọt: 01 thủ tục</b>		
1	1.008004.000 .00.00.H24	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Toàn trình
<b>31</b>	<b>Ứng phó sự cố tràn dầu: 01 thủ tục</b>		
1	1.013128.H2 4	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	Toàn trình
<b>III</b>	<b>PHÒNG VĂN HOÁ - XÃ HỘI: 24 lĩnh vực với 149 thủ tục</b>		
<b>1</b>	<b>Bảo trợ xã hội: 13 thủ tục</b>		
1	1.014027.H2 4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Toàn trình
2	1.014028.H2 4	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Toàn trình

3	2.000282.000 .00.00.H24	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Một phần
4	1.011606.H2 4	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Một phần
5	1.011609.H2 4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Một phần
6	1.011608.H2 4	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Một phần
7	1.011607.H2 4	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Một phần
8	1.001653.000 .00.00.H24	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Một phần
9	2.000355.000 .00.00.H24	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Một phần
10	1.001699.000 .00.00.H24	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Một phần
11	2.000286.000 .00.00.H24	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Toàn trình
12	1.001776.000 .00.00.H24	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Toàn trình
13	1.001731.000 .00.00.H24	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Toàn trình
<b>2</b>	<b>Các cơ sở giáo dục khác: 06 thủ tục</b>		
1	1.012972.H2 4	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Toàn trình
2	1.012971.H2 4	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Toàn trình
3	1.012975.H2 4	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Toàn trình
4	3.000309.H2 4	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Toàn trình
5	1.012974.H2 4	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Toàn trình
6	1.012973.H2 4	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Toàn trình
<b>3</b>	<b>Công chức, viên chức: 03 thủ tục</b>		

1	1.012301.000 .00.00.H24	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Cung cấp thông tin trực tuyến
2	1.012299.000 .00.00.H24	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Một phần
3	1.012300.000 .00.00.H24	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Một phần
<b>4</b>	<b>Công tác dân tộc: 02 thủ tục</b>		
1	1.012222.H2 4	Công nhận người có uy tín	Một phần
2	1.012223.H2 4	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Một phần
<b>5</b>	<b>Dân số - Sức khỏe sinh sản: 01 thủ tục</b>		
1	2.001088.H2 4	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Một phần
<b>6</b>	<b>Gia đình: 02 thủ tục</b>		
1	1.012085.000 .00.00.H24	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Toàn trình
2	1.012084.000 .00.00.H24	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Toàn trình
<b>7</b>	<b>Giáo dục mầm non: 05 thủ tục</b>		
1	1.012962.H2 4	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Toàn trình
2	1.012961.H2 4	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Toàn trình
3	1.006444.000 .00.00.H24	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Toàn trình
4	1.006445.000 .00.00.H24	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Toàn trình
5	1.006390.000 .00.00.H24	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Toàn trình
<b>8</b>	<b>Giáo dục nghề nghiệp: 02 thủ tục</b>		
1	2.002284.000 .00.00.H24	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Một phần
2	2.001960.000 .00.00.H24	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Toàn trình
<b>9</b>	<b>Giáo dục tiểu học: 06 thủ tục</b>		

1	1.005099.000 .00.00.H24	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Toàn trình
2	1.012963.H2 4	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Toàn trình
3	1.004563.000 .00.00.H24	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Toàn trình
4	1.001639.000 .00.00.H24	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Toàn trình
5	1.004552.000 .00.00.H24	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Toàn trình
6	2.001842.000 .00.00.H24	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Toàn trình
<b>10</b>	<b>Giáo dục thường xuyên: 04 thủ tục</b>		
1	3.000308.H2 4	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Toàn trình
2	3.000307.H2 4	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Toàn trình
3	1.012969.H2 4	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Toàn trình
4	1.012970.H2 4	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Toàn trình
<b>11</b>	<b>Giáo dục trung học: 11 thủ tục</b>		
1	1.012967.H2 4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Toàn trình
2	2.001904.000 .00.00.H24	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	Toàn trình
3	1.005108.000 .00.00.H24	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	Toàn trình
4	2.002483.000 .00.00.H24	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Toàn trình
5	1.012964.H2 4	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Toàn trình
6	1.012968.H2 4	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Toàn trình
7	1.012965.H2 4	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Toàn trình

8	1.012966.H2 4	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Toàn trình
9	3.000182.000 .00.00.H24	Tuyển sinh trung học cơ sở	Toàn trình
10	2.002482.000 .00.00.H24	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Toàn trình
11	2.002481.000 .00.00.H24	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Toàn trình
<b>12</b>	<b>Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân: 13 thủ tục</b>		
1	1.000691.000 .00.00.H24	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Toàn trình
2	2.002770.H2 4	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Một phần
3	1.001714.000 .00.00.H24	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Toàn trình
4	2.002771.H2 4	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Một phần
5	1.003702.000 .00.00.H24	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Toàn trình
6	1.002407.000 .00.00.H24	Xét, cấp học bổng chính sách	Toàn trình
7	1.008951.000 .00.00.H24	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Toàn trình
8	1.008725.000 .00.00.H24	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Toàn trình
9	1.008724.000 .00.00.H24	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Toàn trình
10	1.008950.000 .00.00.H24	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Toàn trình
11	1.001622.000 .00.00.H24	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Toàn trình

12	1.000280.000 .00.00.H24	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Toàn trình
13	1.000288.000 .00.00.H24	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Toàn trình
<b>13</b>	<b>Hoạt động khoa học và công nghệ: 07 thủ tục</b>		
1	1.014388.H2 4	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Toàn trình
2	1.014389.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình
3	1.014390.H2 4	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình
4	1.014391.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Toàn trình
5	1.014392.H2 4	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Toàn trình
6	1.014393.H2 4	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (Sở Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình
7	1.014394.H2 4	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình
<b>14</b>	<b>Kiểm định chất lượng giáo dục: 03 thủ tục</b>		
1	1.000715.000 .00.00.H24	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Toàn trình
2	1.000711.000 .00.00.H24	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Toàn trình
3	1.000713.000 .00.00.H24	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Toàn trình
<b>15</b>	<b>Người có công: 23 thủ tục</b>		
1	1.004964.000 .00.00.H24	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Cung cấp thông tin trực tuyến
2	1.010820.000 .00.00.H24	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Toàn trình
3	1.010805.000 .00.00.H24	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Toàn trình
4	1.010825.000 .00.00.H24	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Toàn trình
5	1.010816.000 .00.00.H24	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Toàn trình

6	2.002307.H2 4	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Một phần
7	1.013750.H2 4	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Một phần
8	1.010812.000 .00.00.H24	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Toàn trình
9	1.013749.H2 4	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Một phần
10	1.001257.000 .00.00.H24	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Toàn trình
11	2.001157.000 .00.00.H24	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Toàn trình
12	2.001396.000 .00.00.H24	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Toàn trình
13	2.002308.000 .00.00.H24	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Toàn trình
14	1.010811.000 .00.00.H24	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Toàn trình
15	1.010824.000 .00.00.H24	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Toàn trình
16	1.010804.000 .00.00.H24	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Toàn trình
17	1.010803.000 .00.00.H24	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Toàn trình
18	1.010819.000 .00.00.H24	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Toàn trình
19	1.010821.000 .00.00.H24	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Toàn trình

20	1.010833.000 .00.00.H24	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Một phần
21	1.010814.000 .00.00.H24	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Toàn trình
22	1.010815.000 .00.00.H24	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Toàn trình
23	1.010818.000 .00.00.H24	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Toàn trình
<b>16</b>	<b>Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử: 04 thủ tục</b>		
1	1.013792.H2 4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình
2	1.013795.H2 4	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình
3	1.013794.H2 4	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình
4	1.013793.H2 4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình
<b>17</b>	<b>Phòng, chống tệ nạn xã hội: 05 thủ tục</b>		
1	1.010941.000 .00.00.H24	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Toàn trình
2	1.010940.H2 4	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Toàn trình
3	1.010939.H2 4	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Toàn trình
4	1.010938.H2 4	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Toàn trình
5	2.001661.000 .00.00.H24	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Toàn trình
<b>18</b>	<b>Quản lý lao động ngoài nước: 01 thủ tục</b>		
1	1.013734.H2 4	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Một phần
<b>19</b>	<b>Quản lý nhà nước về hội, quỹ: 15 thủ tục</b>		
1	1.013704.H2 4	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Một phần
2	1.013711.H2 4	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Một phần
3	1.013714.H2 4	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Một phần
4	1.013709.H2 4	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Một phần

5	1.013715.H2 4	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Một phần
6	1.013702.H2 4	Công nhận ban vận động thành lập hội	Một phần
7	1.013713.H2 4	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Một phần
8	1.013712.H2 4	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Một phần
9	1.013708.H2 4	Hội tự giải thể	Một phần
10	1.013716.H2 4	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Một phần
11	1.013710.H2 4	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Một phần
12	1.013703.H2 4	Thành lập hội	Một phần
13	1.013707.H2 4	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Một phần
14	1.013717.H2 4	Quỹ tự giải thể	Một phần
15	1.013706.H2 4	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Toàn trình
<b>20</b>	<b>Tín ngưỡng, tôn giáo: 09 thủ tục</b>		
1	1.013798.H2 4	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	Một phần
2	1.013797.H2 4	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Một phần
3	1.013796.H2 4	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Một phần
4	1.012582.000 .00.00.H24	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	Một phần
5	1.012585.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Một phần
6	1.012590.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Toàn trình
7	1.012592.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Toàn trình
8	1.012591.000 .00.00.H24	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Toàn trình

9	1.012584.000 .00.00.H24	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	Một phần
<b>21</b>	<b>Thể dục thể thao: 08 thủ tục</b>		
1	2.000794.000 .00.00.H24	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Toàn trình
2	Trẻ em		
3	1.004944.000 .00.00.H24	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Toàn trình
4	1.004946.000 .00.00.H24	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Toàn trình
5	1.004941.000 .00.00.H24	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Toàn trình
6	2.001944.000 .00.00.H24	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Toàn trình
7	2.001947.000 .00.00.H24	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Toàn trình
8	2.001942.000 .00.00.H24	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Toàn trình
<b>22</b>	<b>Văn bằng, chứng chỉ: 02 thủ tục</b>		
1	3.000467.H2 4	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Cung cấp thông tin trực tuyến
2	3.000468.H2 4	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Cung cấp thông tin trực tuyến
<b>23</b>	<b>Văn hóa: 02 thủ tục</b>		
1	1.003622.000 .00.00.H24	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Toàn trình
2	1.013791.H2 4	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Toàn trình
<b>24</b>	<b>Việc làm: 02 thủ tục</b>		
1	1.013725.H2 4	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	Một phần
2	1.013724.H2 4	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	Một phần